

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN - TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG 2025 ĐỢT 1
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Kèm theo quyết định số /QĐ-CDN ngày tháng năm)

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Trường tốt nghiệp	Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm				
1	C25CGK0071	Lâm Tôn	Phát	22/02/2004	Nam	Kinh	Khóm 7, Phường Châu Phú A, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Cắt gọt kim loại	6.6	5.2	7.1	18.9	Châu Thị Tế	2022		
2	C25CGK0051	Phạm Công	Thành	09/12/2004	Nam	Kinh	An Lạc, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Cắt gọt kim loại	8.1	9.1	8.4	25.6	Lấp Vò 1	2022		
3	C25CGK0035	Phan Văn	Quang	09/01/2007	Nam	Kinh	Tổ 1, Khóm 1, thị trấn Chi Lăng, Khóm 1, Thị trấn Chi Lăng, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Cắt gọt kim loại	9	7.2	7.7	23.9	THPT Chi Lăng	2025		
4	C25CGK0149	Trần Bá	Lộc	14/04/1996	Nam	Kinh	Phú Thiện, Thị trấn Phú Hoà, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Cắt gọt kim loại	7.1	6	5.9	19	Nguyễn Khuyến	2014		
5	C25CNO0010	Bùi Quang	Thắng	06/10/2005	Nam	Kinh	736, thị 1, Xã Hội An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.7	8.3	4.6	19.6	trường thpt huyện	2023		
6	C25CNO0015	Chau pha	ry	04/05/2005	Nam	Khmer	Tổ 16, khóm 3 , Thị trấn Chi Lăng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	5.3	5.4	6.1	16.8	Trường trung cấp	2024		
7	C25CNO0156	Chau PhoL	Ly	27/12/2006	Nam	Khmer	Ấp Phước Lợi, Xã Ô Lâm, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.3	5	4.4	15.7	THCS-THPT Cờ	2024		
8	C25CNO0074	Dương Tấn	Thành	04/12/2006	Nam	Kinh	Trung Phú 5, Xã Vĩnh Phú, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	8.5	6.4	6.5	21.4	Vĩnh Nhuận	2024		
9	C25CNO0143	Đặng Đình Thiên	Bảo	13/02/2005	Nam	Kinh	Mỹ Thuận, Xã Mỹ Hoà Hưng, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.9	6.7	6.1	19.7	Mỹ Hòa Hưng	2023		
10	C25CNO0019	Đỗ Văn	Tiền	04/09/2006	Nam	Kinh	Phan Văn Cai/290, Ấp Khánh Thuận, Xã Khánh Hòa, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	8.3	8.5	7.8	24.6	Trường THPT C	2024		
11	C25CNO0162	Đỗ Văn	Tiền	04/09/2006	Nam	Kinh	290, Khánh Thuận, Xã Khánh Hòa, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	8.3	8.5	7.8	24.6	Châu Phú	2024		
12	C25CNO0082	Huỳnh Bảo	Luân	22/10/2002	Nam	Kinh	Mỹ Thuận, Xã Vĩnh Châu, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.5	6.4	6.1	19	Châu Phú	2020		
13	C25CNO0109	Huỳnh Văn	Di	17/02/2004	Nam	Kinh	Tây Huề, Xã Bình Thành, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	5.7	6.8	6.4	18.9	TT GDNN-GDTX	2022		
14	C25CNO0126	Lê Hoàng	Phúc	18/11/1999	Nam	Kinh	Hà Bao I, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.8	5.1	6.4	18.3	Thủ Khoa Nghĩa	2021		
15	C25CNO0076	Lê Hoàng	Phúc	18/01/2003	Nam	Kinh	Hòa Thuận, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.3	7	5.6	19.9	Tịnh Biên	2021		
16	C25CNO0133	Lê Thái	Học	19/01/2003	Nam	Kinh	308, Vàm Nao, Xã Tân Trung, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.9	6.8	5.3	19	Phú Tân	2021		
17	C25CNO0150	Lê Trọng	Nhân	04/10/2006	Nam	Kinh	35, Vĩnh Thới, Xã Vĩnh Hanh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.2	6.6	5.2	19	Cần Đăng	2024		
18	C25CNO0087	Lê Trung	Hậu	29/09/2006	Nam	Kinh	Bình Lợi, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ ô tô	8.2	7.4	7.2	22.8	Lấp Vò 1	2024		
19	C25CNO0002	Lê Việt	Thắng	09/04/2004	Nam	Kinh	Tổ 3, Long Bình, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.4	6.4	6.1	18.9	Trường THPT N	2022		
20	C25CNO0083	Lưu Văn	Hậu	10/10/2004	Nam	Kinh	Khóm 6, Phường Châu Phú A, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.5	6.5	7.1	21.1	Nguyễn Đình Ch	2019		
21	C25CNO0088	Ngô Thanh	An	03/11/2004	Nam	Kinh	30, An Long, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.1	4.8	5.2	16.1	Ung Văn Khiêm	2022		
22	C25CNO0089	Ngô Văn	Thái	22/02/2004	Nam	Kinh	Sơn Đông, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.6	6	7.9	20.5	Tịnh Biên	2022		
23	C25CNO0080	Nguyễn Chí	Tạo	02/02/2004	Nam	Kinh	252, Mỹ Thạnh, Xã Nhơn Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.3	6.7	7.1	21.1	Lương Văn Cù	2022		
24	C25CNO0077	Nguyễn Công	Khanh	29/01/2006	Nam	Kinh	39/2, Trung Bình Tiến, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	8.1	8	6.2	22.3	Vĩnh Trạch	2024		
25	C25CNO0090	Nguyễn Đặng Trường	Huy	24/07/2006	Nam	Kinh	Sa Tô, Xã Khánh Bình, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	5.8	6.5	3.7	16	Quốc Thái	2024		
26	C25CNO0116	Nguyễn Gia	Bảo	05/11/2001	Nam	Kinh	Bình Đức 3, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.3	7.6	7.1	21	Nguyễn Công Tr	2025		
27	C25CNO0081	Nguyễn Gia	Vỹ	22/03/2004	Nam	Kinh	Mỹ Hội, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.7	6	7.1	19.8	Trung cấp kỹ thu	2023		
28	C25CNO0038	Nguyễn Hoàng	Huy	31/12/2002	Nam	Kinh	268 tổ 10, Ấp Phú Yên, Xã Phú Lộc, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.5	7	5.8	19.3	THPT Vĩnh Xươ	2020		
29	C25CNO0086	Nguyễn Hữu	Thái	06/10/2004	Nam	Kinh	Bình Trung, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.3	8.4	6.5	22.2	Bình Mỹ	2022		
30	C25CNO0135	Nguyễn Lâm Hoàng	Phúc	08/09/2004	Nam	Kinh	1166, Mỹ Phô, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.4	6.9	6.6	19.9	Trung cấp kỹ thu	2022		
31	C25CNO0085	Nguyễn Minh Nhựt	Em	10/11/2004	Nam	Kinh	Bình Hưng 1, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.7	7	5.6	20.3	Bình Mỹ	2022		
32	C25CNO0114	Nguyễn Ngọc Hồng	Hải	10/09/2006	Nam	Kinh	Bình Thành, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	5.7	7.5	5.6	18.8	Long Xuyên	2024		
33	C25CNO0079	Nguyễn Quốc	Toàn	11/10/2006	Nam	Kinh	035/2, Trung Bình Tiến, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.4	7.1	6.8	21.3	Vĩnh Trạch	2024		
34	C25CNO0078	Nguyễn Võ Đình	Huy	05/03/2002	Nam	Kinh	35B, Bờ Bao, Xã Thạnh Tiến, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	6.2	5.5	6.2	17.9	Thạnh An	202		
35	C25CNO0134	Phạm Thành	Công	01/05/2004	Nam	Kinh	239, Đông Thành, Phường Đông Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	5.9	5.7	6.9	18.5	TT GDTX An Gi	2022		
36	C25CNO0136	Phan Anh	Tú	07/06/2004	Nam	Kinh	842/50, Đông Thịnh 4, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.7	5.2	4.6	16.5	Nguyễn Công Tr	2022		
37	C25CNO0115	Phan Khải	Oai	12/04/2005	Nam	Kinh	Mỹ Hòa B, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	8.9	7.2	7.6	23.7	Trung cấp kỹ thu	2021		
38	C25CNO0075	Phan Ngọc	Phát	28/05/2004	Nam	Kinh	Bình Đức 5, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7	5.7	6.5	19.2	Quốc tế GIS	2022		
39	C25CNO0117	Phan Nguyễn Quốc	Khánh	04/09/2000	Nam	Kinh	144/8, Bình Đức 1, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.9	6	6.5	20.4	Nguyễn Hiền	2018		
40	C25CNO0084	Thái Hoàng	Anh	01/11/2003	Nam	Kinh	Vĩnh Tây 1, Phường Núi Sam, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.6	6.3	5.9	19.8	Châu Thị Tế	2021		
41	C25CNO0132	Thái Thắng	Anh	22/04/2004	Nam	Kinh	930, Bình Đức 2, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.6	7.1	5.2	18.9	Mỹ Hòa Hưng	2022		
42	C25CNO0137	Triệu Thạch Bảo	Khang	30/04/2006	Nam	Khmer	Cần Thạnh, Xã Cần Đăng, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.1	6	5	17.1	Cần Đăng	2024		
43	C25CNO0073	Trương Minh	Nhựt	17/07/2001	Nam	Kinh	331/13, Vĩnh An, Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	5.3	5.1	7.8	18.2	Thạnh Mỹ Tây	2019		
44	C25CĐT0141	Đặng Thị Thủy	Quyên	07/11/2002	Nữ	Kinh	Hoà An, Xã Hoà Lạc, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	8	7.2	6.5	21.7	Hoà Lạc	2021		
45	C25CĐT0118	Lê Trọng	Phúc	13/04/2006	Nam	Kinh	Bình Thành, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	6.2	7.4	6.3	19.9	Long Xuyên	2024		
46	C25CĐT0013	Nguyễn Việt	Hoàng	18/07/2002	Nam	Kinh	2/47/43L Mậu Thân, Khu vực 5, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Cơ điện tử	9.1	9	7.2	25.3	THPT Châu Văn	2020		
47	C25CĐT0147	Tạ Quang	Trung	06/02/2006	Nam	Kinh	Kiên Hảo, Xã Bình Thành, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	4.3	5.3	4.4	14	Nguyễn Văn Tho	2024		
48	C25CĐT0070	Trần Văn Nhật	Trường	19/03/1995	Nam	Kinh	Câu Dây, Xã Thạnh Mỹ Tây, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	5.6	7.3	4.5	17.4	Thạnh Mỹ Tây	2013		
49	C25ĐCN0072	CHAU	CHUNH	15/08/2003	Nam	Khmer	Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	4.6	5.8	4.2	14.6	Nguyễn Trung T	2022		
50	C25ĐCN0096	CHAU VANH	THUONE	09/03/2004	Nam	Khmer	Phước Long, Xã Ô Lâm, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	5.4	4.6	4.5	14.5	Cô Tô	2022		

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Trường tốt nghiệp	Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm				
51	C25ĐCN0124	Dương Thái	Quang	07/10/2000	Nam	Kinh	436, Kinh Đào, Phường Vĩnh Mỹ, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An	Điện công nghiệp	9.1	7.5	6.6	23.2	Võ Thị Sáu	2018		
52	C25ĐCN0018	Đặng Chí	Khang	20/11/2004	Nam	Kinh	Số nhà 626, Ấp Phú Quý , Xã Phú An, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Gi	Điện công nghiệp	7.4	6.8	7.1	21.3	THCS & THPT F	2022		
53	C25ĐCN0158	Đặng Chí	Khang	20/11/2004	Nam	Kinh	Phú Quý, Xã Phú An, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.4	6.8	7.1	21.3	Phú Tân	2022		
54	C25ĐCN0094	Đặng Thái Huy	Hoàng	01/01/2006	Nam	Kinh	25, Yết Kiêu, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An	Điện công nghiệp	5.5	7.7	6.1	19.3	Long Xuyên	2024		
55	C25ĐCN0060	Hà Thanh Quốc	Bảo	24/04/2004	Nam	Kinh	420/7, Bình Khánh 5, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên	Điện công nghiệp	7.1	7.5	5.9	20.5	Chương Bình Lê	2022		
56	C25ĐCN0138	Huỳnh Văn Phương	Em	11/12/2004	Nam	Kinh	Bình Đức, Xã Bình Phú, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7	7.7	8.8	23.5	Trung cấp Kỹ Th	2022		
57	C25ĐCN0091	Lê Minh	Thì	27/07/2002	Nam	Kinh	Tây Khánh 4, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An C	Điện công nghiệp	6.2	5.1	6.4	17.7	Ba Chúc	2025		
58	C25ĐCN0095	Lê Nhựt	Linh	10/12/2004	Nam	Kinh	356, Hưng Hòa, Xã Phú Hưng, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	8.5	6.9	7.7	23.1	Phú Tân	2022		
59	C25ĐCN0058	Lê Quốc	Vinh	24/01/2004	Nam	Kinh	131, Vĩnh Bảo, Xã Vĩnh Hậu, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.2	6.8	7.1	21.1	An Phú	2022		
60	C25ĐCN0055	Mai Đại	Vĩ	27/09/2004	Nam	Kinh	Ấp Thị 2, Thị trấn Mỹ Luông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.5	8.1	7.9	23.5	Châu Văn Liêm	2022		
61	C25ĐCN0063	Nguyễn Thái	Bình	06/07/2006	Nam	Kinh	Bình An 1, Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	5.8	5.3	6.1	17.2	Nguyễn Bình Kh	2024		
62	C25ĐCN0057	Nguyễn Văn	Phuong	03/11/1985	Nam	Kinh	207, Long Thành, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Gian	Điện công nghiệp	4.2	5	5.9	15.1	Mỹ Luông 2	2004		
63	C25ĐCN0059	Phạm Phước	Thịnh	12/12/2004	Nam	Kinh	Trung Bình, Xã Thoại Giang, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	8.1	8.8	6.5	23.4	Nguyễn Văn Tho	2022		
64	C25ĐCN0056	SAO SOM	ÁT	13/02/2000	Nam	Khmer	Vĩnh Tâm, Xã Vĩnh Trung, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	5.2	5.3	4	14.5	Chi Lăng	2019		
65	C25ĐCN0092	Thái Phú	An	11/09/2003	Nam	Kinh	Cà Na, Xã Lương An Trà, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	6.9	6.2	5.1	18.2	Nguyễn Trung Tr	2024		
66	C25ĐCN0139	Trần Hồ Khải	Minh	02/12/2006	Nam	Kinh	108, Phú Đức B, Xã Phú Thạnh, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7	6.2	5.1	18.3	Nguyễn Chí Tha	2024		
67	C25ĐCN0093	Trần Nguyễn Nhật	Hào	17/06/2003	Nam	Kinh	Cây Gòn, Xã Lương An Trà, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	6.4	6.5	4.4	17.3	Nguyễn Trung Tr	2021		
68	C25ĐCN0061	Trần Phước	Tài	06/02/2004	Nam	Kinh	Bờ Dâu, Xã Thạnh Mỹ Tây, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	5.7	6	5.6	17.3	Thạnh Mỹ Tây	2022		
69	C25ĐCN0025	Trương Hữu	Đang	04/10/2006	Nam	Kinh	Ấp1, Xã Vĩnh Lộc, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	6	7.1	5	18.1	Trung Học Cơ S	2024		
70	C25ĐCN0054	Trương Minh	Thành	15/09/2003	Nam	Kinh	Vĩnh Phước, Xã Vĩnh Lộc, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	5.6	6.2	5.3	17.1	Vĩnh Lộc	2021		
71	C25ĐCN0062	Trương Nhựt	Thanh	07/10/2003	Nam	Kinh	104/40, Châu Long 5, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc,	Điện công nghiệp	6.8	6.2	6	19	Trung cấp nghề C	2021		
72	C25ĐCN0039	Trương Văn Linh	Em	24/09/2004	Nam	Kinh	Mỹ hoà, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	8.6	7.9	8.2	24.7	Thpt Lương Văn	2022		
73	C25ĐTC0163	Đoàn Công	Dự	20/06/2003	Nam	Kinh	168/6, Thạnh Phú, Xã Thạnh Mỹ Tây, Huyện Châu Phú, Tỉnh An C	Điện tử công nghiệp	5.3	7.2	5.2	17.7	Thạnh Mỹ Tây	2025		
74	C25CNH0128	Nguyễn Chí	Hải	29/11/2006	Nam	Kinh	241 ấp phú yên, xã phú lộc thị xã tân châu an giang , Ấp Phú Yên,	Hàn	9.2	9.3	6.8	25.3	Trường THPT V	2024		
75	C25KDN0107	Đặng Khánh	Tiên	20/08/2005	Nữ	Kinh	Tân Quới, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Gia	Kế toán doanh nghiệp	7.6	6.4	3.7	17.7	Nguyễn Hiền	2023		
76	C25KDN0125	Hoanh Thị Quỳnh	Nga	24/08/2006	Nữ	Khmer	Hòa Long II, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Gian	Kế toán doanh nghiệp	5.4	7.4	7.2	20	Dân tộc nội trú A	2024		
77	C25KDN0026	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	28/07/1996	Nữ	Kinh	Tổ 1, Ấp Tân Đức, Xã Tân Tuyền, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.2	7	7.7	22.9	THPT Vọng Thê	2014		
78	C25KDN0142	Lâm Thu	Hà	10/11/2003	Nữ	Hoa	384, Vĩnh Thạnh 2, Xã Lê Chánh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Gian	Kế toán doanh nghiệp	8.8	8.7	8.4	25.9	Châu Phong	2021		
79	C25KDN0022	Lê Ngọc Bích	Hà	25/02/2004	Nữ	Kinh	Phú An 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.7	7.5	6.1	20.3	THPT Nguyễn B	2022		
80	C25KDN0108	Nguyễn Kim	Châu	02/01/2004	Nữ	Kinh	912B, Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên,	Kế toán doanh nghiệp	8	6.5	6.2	20.7	Nguyễn Hiền	2023		
81	C25KDN0112	Nguyễn Ngọc	Ngân	13/07/2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Hội Đông, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.5	7.5	7.3	21.3	An Phú	2022		
82	C25KDN0155	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	18/07/2007	Nữ	Kinh	QL 91/833, Ấp Bình Trung, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh A	Kế toán doanh nghiệp	7.1	8.1	8.4	23.6	THPT Bình Mỹ	2025		
83	C25KDN0008	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	05/04/2005	Nữ	Kinh	Hòa bình thanh, Xã Hòa Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An	Kế toán doanh nghiệp	6.5	7.9	7.9	22.3	Thot Nguyễn B	2023		
84	C25KDN0111	Phan Dương Lan	Hương	15/07/2002	Nữ	Kinh	Vĩnh Hiệp, Xã Vĩnh Khánh, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.5	6.7	7.3	21.5	Nguyễn Khuyến	2020		
85	C25KDN0129	Phan Tiểu	My	02/10/1999	Nữ	Kinh	122/25, Long Hưng 2, Phường Long Sơn, Thị xã Tân Châu, Tỉnh A	Kế toán doanh nghiệp	8	7	6.8	21.8	Trường THPT T	2017		
86	C25KDN0110	Trần Thành	Đạt	30/05/2003	Nam	Kinh	Đông Phú, Phường Đông Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An	Kế toán doanh nghiệp	6.8	6	4.8	17.6	Nguyễn Công Tr	2021		
87	C25KDN0024	Trần Thị Diễm	Hương	05/04/2001	Nữ	Kinh	số 472, ấp Bình Phú 2, Xã Phú Bình, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Gia	Kế toán doanh nghiệp	7	6.5	7.2	20.7	Trường THPT H	2019		
88	C25KDN0005	Trần Thị Diễm	My	17/05/2003	Nữ	Kinh	395, tổ 8, ấp Phú Mỹ Hạ, Xã Phú Thọ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An G	Kế toán doanh nghiệp	7.7	8.9	7.3	23.9	Trường THCS - T	2021		
89	C25KDN0069	Trần Thị Thanh	Ngân	27/04/2006	Nữ	Kinh	Long Thành, Xã Long Điền B, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	8.1	5.6	21.5	Ung Văn Khiêm	2024		
90	C25KDN0106	Văng Phúc Bảo	Trâm	26/02/2005	Nữ	Kinh	An Hòa, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Kế toán doanh nghiệp	7.4	7.9	6.8	22.1	Lấp Vò 1	2023		
91	C25KTL0153	Bạch Dương Gia	Bảo	17/02/2006	Nam	Kinh	Đông Thành, Phường Đông Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.2	7.3	5.8	19.3	Long Xuyên	2024		
92	C25KTL0160	Cao Hoài	Son	06/12/2004	Nam	Kinh	Bình Yên, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.3	8.5	7.1	23.9	Bình Mỹ	2022		
93	C25KTL0098	CHAU	RA	09/10/2001	Nam	Khmer	Phước An, Xã Ô Lâm, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.6	5.3	5.7	17.6	Cô Tô	2020		
94	C25KTL0154	Dương Nhật	Ân	07/10/2006	Nam	Kinh	Thới Thạnh 1, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cà	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.4	6.8	5.8	19	Thốt Nốt	2024		
95	C25KTL0123	Đào Tuấn	Thủ	08/04/2006	Nam	Kinh	544, Long Định, Xã Long Kiến, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.1	7.8	5.7	21.6	Ung Văn Khiêm	2024		
96	C25KTL0048	Đặng Hoàng Huy	Em	20/03/2004	Nam	Kinh	Trung Phú 4, Xã Vĩnh Phú, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.1	7.6	8.7	23.4	Vĩnh Trạch	2022		
97	C25KTL0049	Đặng Ngọc	Xanh	27/04/2005	Nam	Kinh	Trung Bình, Xã Thoại Giang, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.5	7.5	6.7	21.7	Nguyễn Văn Tho	2023		
98	C25KTL0053	Đặng Văn	Phương	23/10/2002	Nam	Kinh	Hòa Bình 1, Xã Hoà Lạc, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.5	8.4	7	23.9	Hoà Lạc	2020		
99	C25KTL0157	Đinh Thanh	Phúc	03/06/2007	Nam	Kinh	Số nhà 40 tổ 2, Ấp Hòa Bình , Xã Kiến An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.3	7.7	8.5	23.5	Trung Cấp Kỹ T	2025		
100	C25KTL0042	Đoàn Sơn	Tòng	29/04/2004	Nam	Kinh	397/34, đường Huỳnh Thị Hường, Vĩnh Lộc, Thị trấn Cái Dầu, Hu	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.6	6.5	5.5	18.6	THPT Trần Văn	2022		
101	C25KTL0045	Đỗ Trọng	Quốc	12/05/2006	Nam	Kinh	An Khương, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7	8.5	6.2	21.7	Huỳnh Thị Hườ	2024		
102	C25KTL0102	Hình Gia	Định	19/12/2006	Nam	Kinh	Vĩnh Thành, Xã Vĩnh Trinh, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần T	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.5	7.1	6.5	20.1	Vĩnh Thạnh	2024		
103	C25KTL0148	HUỲNH VĂN	HỒ	21/02/2005	Nam	Kinh	Số nhà 2440, ấp phước hoà, Xã Phước Hưng, Huyện An Phú, Tỉnh	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.6	7.5	7.7	22.8	THPT AN PHÚ	2024		
104	C25KTL0097	Lê Hoàng	Giang	19/05/2004	Nam	Kinh	399, Vĩnh Thuận, Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, T	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.8	6.4	5.5	18.7	Trần Văn Thành	2022		
105	C25KTL0101	Lê Minh Quốc	Thái	03/05/2003	Nam	Kinh	Long Hòa 1, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.9	7	7	20.9	Nguyễn Chí Tha	2021		
106	C25KTL0164	Lê Nhật	Tân	21/12/1999	Nam	Kinh	181/1, Trần Nhật Duật, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7	7.1	8.1	22.2	Long Xuyên	2017		
107	C25KTL0043	Lê Phước	Hậu	01/04/2004	Nam	Kinh	Mỹ An, Xã Nhơn Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.8	4.9	6.2	16.9	Lương Văn Cù	2022		
108	C25KTL0021	Nguyễn Duy	Tường	16/06/2003	Nam	Kinh	An nhon, Xã Lương Phi, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5	4	4.6	13.6	Thpt ba chúc	2021		

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Trường tốt nghiệp	Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm				
109	C25KTL0099	Nguyễn Gia	Hào	21/10/2002	Nam	Kinh	09, Ấp Đông, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.4	6.4	5.9	18.7	Nguyễn Văn Hướ	2020		
110	C25KTL0145	Nguyễn Minh	Hiền	19/07/2006	Nam	Kinh	17, An Khương, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An G	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	9.4	9.5	7.4	26.3	Huỳnh Thị Hưởn	2024		
111	C25KTL0046	Nguyễn Nhật	Duy	28/05/2006	Nam	Kinh	An Khương, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.5	7.6	7.2	23.3	Huỳnh Thị Hưởn	2024		
112	C25KTL0047	Nguyễn Trí	Khang	04/07/2003	Nam	Kinh	Mỹ Thành, Phường Vĩnh Mỹ, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Gian	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.7	7.2	7	20.9	Trung cấp Kỹ Th	2022		
113	C25KTL0140	Nguyễn Văn	Dương	03/10/2002	Nam	Kinh	Hoà Bình 1, Xã Hoà Lạc, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.4	7.4	5.4	21.2	Hòa Lạc	2021		
114	C25KTL0050	Nguyễn Văn	Thái	05/05/2004	Nam	Kinh	Vĩnh Thuận, Xã Vĩnh Nhuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.1	7.9	7.5	23.5	Vĩnh Trạch	2022		
115	C25KTL0100	Phan Nguyễn Nhật	Tiến	25/02/2003	Nam	Kinh	An Khánh, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.2	5.3	6.2	16.7	Trung cấp kỹ thu	2021		
116	C25KTL0007	PHAN NHƯT	HUY	12/07/2004	Nam	Kinh	Số nhà 198 , tổ 6 , ấp Bình Phú, Bình Thủy, Châu Phú,An Giang ,	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.1	6.8	5.1	18	Trường THPT Bì	2022		
117	C25KTL0113	Trần Hồng	Cường	22/09/2004	Nam	Kinh	171, An Thuận, Xã Hội An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.5	8	6.2	20.7	Huỳnh Thị Hưởn	2022		
118	C25KTL0122	Trần Thanh	Nhật	05/11/2004	Nam	Kinh	163, Bình Lộc, Xã Bình Chánh, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.1	7	6.5	20.6	Bình Chánh	2023		
119	C25KTL0052	Trương Nhựt	Thị	17/08/2004	Nam	Kinh	Châu Long 5, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.9	6.7	7.4	21	Trung cấp Kỹ Th	2022		
120	C25KTL0103	Võ Hữu	Nghĩa	23/06/2004	Nam	Kinh	Ấp 2, Xã Vĩnh Xương, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.2	5.6	5.5	16.3	Vĩnh Xương	2022		
121	C25KTL0044	Võ Quốc	Kiệt	15/10/2004	Nam	Kinh	Vĩnh Quới, Thị trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố C	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6	6.7	6.8	19.5	Vĩnh Thạnh	2022		
122	C25KLR0121	Đoàn Hải	Đăng	22/12/2004	Nam	Kinh	580/25B, Bình Đức 5, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên,	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.1	8.1	6.1	22.3	Mỹ Hòa Hưng	2022		
123	C25KLR0065	Phạm Tấn	Thông	25/05/2004	Nam	Kinh	11, Đông Sơn 1, Thị trấn Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Gia	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5.8	7	5.6	18.4	Nguyễn Văn Tho	2022		
124	C25KXD0127	Đỗ Vinh	Khoa	28/11/1990	Nam	Kinh	40,42, Tây Sông Hậu, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên,	Kỹ thuật xây dựng	3.5	5	4	12.5	Thủ Khoa Nghĩa	2008		
125	C25KXD0066	Phạm Tuấn	Kha	02/02/2002	Nam	Kinh	An Lợi B, Xã Định Yên, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng	8.8	8.3	7.2	24.3	Lấp Vò 1	2020		
126	C25KXD0067	Trần Quang	Võ	15/06/2004	Nam	Kinh	256, Mỹ Chánh, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật xây dựng	6.6	6.1	6.5	19.2	Trung cấp Kỹ Th	2022		
127	C25LĐC0161	Nguyễn Thái	Duy	12/06/2007	Nam	Kinh	Hòa Hưng, Thị trấn Nhà Bàng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8.9	7.7	7.7	24.3	Tịnh Biên	2025		
128	C25LTM0146	Lê Nminh	Quân	26/07/2004	Nam	Kinh	1010A/51, Bình Đức 2, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên	Lập trình máy tính	6.3	6.8	5.9	19	Mỹ Hòa Hưng	2022		
129	C25LTM0064	Nguyễn Quốc	Lương	26/04/2003	Nam	Kinh	Vĩnh Hưng, Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, Tỉnh An	Lập trình máy tính	7.7	5.6	7.2	20.5	Bình Long	2022		
130	C25LTM0104	Trịnh Quốc	Thanh	26/06/2001	Nam	Kinh	Hòa Thạnh, Xã Hòa Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Gia	Lập trình máy tính	6	5.3	5.1	16.4	Nguyễn Bình Kh	2019		
131	C25QDL0152	Lưu Võ Huỳnh	My	06/08/2003	Nữ	Kinh	2Q5, Đông Thịnh 9, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, T	Quản trị du lịch MICE	9.2	6.5	7.4	23.1	Nguyễn Hiền	2021		
132	C25QDL0068	Ngô Vũ Ngọc	Hà	30/10/2001	Nữ	Kinh	62/10, Đông Thịnh 8, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên,	Quản trị du lịch MICE	6.5	5.3	5.2	17	Nguyễn Hiền	2019		
133	C25QDL0151	Nguyễn Quốc	Mạnh	12/12/2006	Nam	Kinh	Ấp 4, Xã Vĩnh Xương, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	4.8	7	4.8	16.6	Vĩnh Xương	2024		
134	C25QDL0041	Nguyễn Thanh	Phước	06/08/2005	Nam	Kinh	Số nhà 121, Ấp Long Định , Xã Long Kiến, Huyện Chợ Mới, Tỉnh	Quản trị du lịch MICE	7.1	8.1	6.2	21.4	THPT Ung Văn K	2023		
135	C25QTM0165	Phạm Huy	Chiến	30/04/2005	Nam	Kinh	Đinh Công Trứ, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tin	Quản trị mạng máy tính	7.4	8.1	7.2	22.7	TT GDTX An Gi	2023		
136	C25QTM0119	Trương Trọng	Phúc	20/03/2006	Nam	Kinh	Bình Thới, Xã Bình Phú, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6	5	5.2	16.2	Thanh Mỹ Tây	2024		
137	C25QNH0120	Cao Thanh	Phong	25/08/2006	Nam	Kinh	Mỹ Hòa B, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	8.1	5.5	9	22.6	Trung cấp kỹ thu	2021		
138	C25QNH0012	Lê Văn	Lượng	16/09/2004	Nam	Kinh	Tổ 13 , số nhà 747, Ấp Vĩnh Khánh 2, Xã Vĩnh Tế, Thành phố Chà	Quản trị nhà hàng	7.8	7	8.1	22.9	THPT Tịnh Biên	2022		
139	C25QNH0006	Ngô Bảo	Lộc	23/02/0204	Nam	Kinh	Số 329 tổ 17, Ấp Tân Bình, Xã Tân Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An	Quản trị nhà hàng	6.9	6.9	7	20.8	THPT Châu Văn	2022		
140	C25QNH0144	Nguyễn Lan	Anh	10/05/2006	Nữ	Kinh	476, ấp Long Thạnh 2, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An	Quản trị nhà hàng	7.8	9	5.7	22.5	Ung Văn Khiêm	2024		
141	C25QNH0105	Nguyễn Nhật	Anh	19/05/2003	Nam	Kinh	26, Khóm 2, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An (	Quản trị nhà hàng	8.8	6.8	8.7	24.3	Nguyễn Khuyến	2021		
142	C25QNH0027	Nguyễn Như	Ý	09/02/2007	Nữ	Kinh	Ấp Mỹ An 1, Xã Mỹ Hoà Hưng, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An	Quản trị nhà hàng	8.6	8.2	8.8	25.6	Trường THCS-T	2025		
143	C25QNH0040	Nguyễn Thị Trúc	Ly	08/09/2005	Nữ	Kinh	Khóm Trung Sơn , Thị trấn Óc Eo, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Gia	Quản trị nhà hàng	7	7.1	6.4	20.5	THPT Vọng Thê	2023		
144	C25QNH0159	Trần Thị Thùy	Dung	20/08/2005	Nữ	Kinh	An Thạnh, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6	7.4	4.7	18.1	Nguyễn Công Tr	2023		
145	C25QNH0009	Trần Thị Thuỳ	Trang	14/04/2006	Nữ	Kinh	311, Long Hoà 1, Xã Long Kiến, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	8.8	7.9	7.2	23.9	THPT Ung Văn K	2024		

Tổng cộng danh sách có 145 học sinh trúng tuyển.

THƯ KÝ

An Giang, ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HĐQTS